

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIÊN CHÍ VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIÊN CHÍ VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN CHI VIET TRADE AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THIENCHIVET T&S CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108531648

**3. Ngày thành lập:** 30/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

776 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0946151993

Fax:

Email: [dhm25081993@gmail.com](mailto:dhm25081993@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2910     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                  | 1629     |
| 3.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn mô tô, xe máy;<br>- Bán lẻ mô tô, xe máy;<br>- Đại lý mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                          | 4541     |
| 4.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                               | 4512     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;<br>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;<br>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                       | 4543     |
| 6.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3811     |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ;<br>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác; | 4933     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết:<br>- Tái chế phế liệu kim loại;<br>- Tái chế phế liệu phi kim loại;                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3830 |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 11. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0220 |
| 12. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa<br>Chi tiết:<br>- Trồng rau các loại;<br>- Trồng đậu các loại;<br>- Trồng hoa hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                  | 0118 |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;<br>- Bán buôn hoa và cây;<br>- Bán buôn động vật sống;<br>- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;<br>- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)                          | 4620 |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652 |
| 15. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>- Đại lý xe có động cơ khác;                                                                                                                                                                                                                                              | 4513 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;<br>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);<br>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4530 |
| 17. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3812 |
| 18. | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3821 |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651 |
| 22. | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại<br>Chi tiết:<br>- Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế;<br>- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3822 |
| 23. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1621 |
| 24. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1622 |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê ô tô;<br>- Cho thuê xe có động cơ khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710 |
| 26. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8130 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 28. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ cầm đồ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6492 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 29. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741        |
| 30. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4520        |
| 31. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610        |
| 32. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết<br>- Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);<br>- Bán buôn xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4511(Chính) |
| 33. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2930        |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao;<br>- Vận tải hành khách bằng taxi;<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;<br>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)                                                                                                                                                                                                            | 4931        |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 36. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4542        |
| 37. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết:<br>- Cưa, xẻ và bào gỗ;<br>- Bảo quản gỗ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1610 |
| 39. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu | 7730 |
| 40. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3320 |
| 41. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3100 |
| 42. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8129 |
| 43. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Nhóm này gồm:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội